

Bản án số: 435/2023/DS-PT

Ngày: 12-4-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lại Huỳnh Tú**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

2. Ông **Nguyễn Bá Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Mộng Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 362/2022/DS-ST ngày 30/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 785/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 3250/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông VTL, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 6D PH, phường TP, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của ông VTL: Bà QNN, sinh năm 1998. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Phòng 2.3 Tầng 2, tòa nhà Indochina Park Tower, Số 4
NĐC, phường ĐK, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư NTBN,
thuộc Công ty Luật TNHH MTV Tia Sáng - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại B

Địa chỉ: Số 40 ấp 4, xã PK, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PHT, sinh năm 1978 – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 40 ấp 4, xã PK, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:*

3.1 Ông VTL – Nguyên đơn.

3.2 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại B – Bị đơn

4. *Người kháng nghị:* **Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông VTL, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông NMH và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà NTNBT trình bày:

Ngày 18/02/2020, ông VTL và Công ty TNHH Thương Mại B đã ký Hợp đồng dịch vụ (Giới thiệu khách hàng) số HDDV 200202. Hai bên thỏa thuận phạm vi dịch vụ: Ông VTL có trách nhiệm giới thiệu khách hàng cho Công ty TNHH Thương Mại B, khách hàng được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là “*Bên mua: P.E.C, để Công ty TNHH Thương Mại B cung cấp sản phẩm in, bị đơn có trách nhiệm thanh toán 18% giá trị trước thuế của tất cả các hóa đơn bán hàng.*”

Sau khi ký hợp đồng dịch vụ, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, bị đơn đã ký hợp đồng với P.E.C. Căn cứ vào 04 hóa đơn xuất bản của các ngày 17/8/2020, ngày 17/9/2020, ngày 27/10/2020 và hóa đơn ngày 14/11/2020 thì 18% phí hợp đồng dịch vụ mà Công ty TNHH Thương Mại B phải thanh toán cho ông VTL là 644.761.308đồng, thời hạn thanh toán là 05 ngày làm việc kể từ ngày Công ty TNHH Thương Mại B xuất hóa đơn bán hàng. Sau nhiều lần nhắc nhở, bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ một khoản tiền nào theo thỏa thuận. Ngày 18/6/2021 nguyên đơn và bị đơn bị đơn xác nhận giá trị hợp đồng dịch vụ là 644.761.308đồng. Tại buổi làm việc này, Công ty TNHH Thương Mại B cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng với P.E.C, bị đơn bị thua lỗ 1.187.026.102đồng nên nguyên đơn đã đồng ý giảm giá trị hợp đồng dịch vụ cho bị đơn số tiền 321.761.308đồng, số tiền bị đơn phải thanh toán là 323.000.000đồng.

Tuy nhiên do Công ty TNHH Thương Mại B không thiện chí nên ông VTL đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện A, yêu cầu Công ty TNHH Thương Mại B phải thanh toán toàn bộ số tiền đã thỏa thuận ban đầu trong hợp đồng dịch vụ

số HDDV 200202 ngày 18/02/2020 và lãi suất được tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày Hội đồng xét xử tuyên án 30/9/2022, số tiền lãi $644.761.308 \times 20\%/12$ tháng $\times 20$ tháng = 214.920.436đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là $644.761.308\text{đồng} + 214.920.436\text{đồng} = 859.681.872\text{đồng}$.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Công ty TNHH Thương Mại B có đại diện theo pháp luật là ông PHT trình bày:

Bị đơn xác nhận, ngày 18/02/2020 Công ty TNHH Thương Mại B và ông VTL đã ký Hợp đồng dịch vụ (Giới thiệu khách hàng) số HDDV 200202. Hai bên thỏa thuận phạm vi dịch vụ: Ông VTL có trách nhiệm giới thiệu khách hàng cho Công ty TNHH Thương Mại B, khách hàng được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là “*Bên mua: P.E.C, để Công ty TNHH Thương Mại B cung cấp sản phẩm in đồng thời nguyên đơn có trách nhiệm hỗ trợ đàm phán về giá của hợp đồng được ký kết giữa bị đơn và P.E.C, khi ông VTL thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình thì bị đơn có trách nhiệm thanh toán 18% giá trị trước thuế của tất cả các hóa đơn bán hàng.*

Theo hóa đơn các ngày 17/8/2020, ngày 17/9/2020, ngày 27/10/2020 và hóa đơn ngày 14/11/2020 thì 18% phí hợp đồng dịch vụ mà Công ty TNHH Thương Mại B phải thanh toán cho ông VTL là 644.761.308đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng sản xuất cung ứng sản phẩm in cho khách hàng P.E.C bị đơn bị thua lỗ 1.187.026.102đồng. Do đó, đến ngày 18/6/2021 Công ty TNHH Thương Mại B và ông VTL đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng, các bên thống nhất: Tổng giá trị hợp đồng là 644.761.308đồng, ông VTL giảm giá trị hợp đồng cho bị đơn số tiền 321.761.308đồng, số tiền bị đơn còn phải chi trả cho nguyên đơn là 323.000.000đồng, biên bản thanh lý hợp đồng không có thời hạn thanh toán, không quy định số tiền chậm trả đối với số tiền 323.000.000đồng.

Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý thanh toán số tiền theo thỏa thuận tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/6/2021.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 362/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Buộc Công ty TNHH Thương Mại B phải thanh toán cho ông VTL chi phí dịch vụ của Hợp đồng số HDDV 200202 ngày 18/02/2020 số tiền là 323.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 32.000.000đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH Thương Mại B phải thanh toán cho ông VTL là 355.000.000(ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông VTL có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 25.234.243, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.089.274 đồng mà ông VTL đã nộp theo biên lai số 0037642 ngày 18/4/2022. Số tiền án phí ông VTL còn phải nộp là 7.144.969 đồng.

Công ty TNHH Thương Mại B có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 17.750.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, nguyên đơn ông VTL nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 10/10/2022, bị đơn Công ty TNHH Thương Mại B nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 28/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A kháng nghị một phần bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị số 15/QĐ-VKS-DS ngày 28/10/2022 và đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm với lý do: “Trong phần quyết định của Tòa án nhân dân huyện A không tuyên đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là không đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và xác định số tiền án phí mà nguyên đơn phải chịu là không đúng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thời gian ông VTL và Công ty B ký biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/6/2021 để xác định số tiền gốc/lãi và cho rằng các bên không thỏa thuận về thời gian chi trả là không chính xác. Bởi lẽ:

- Qua lời khai và căn cứ tài liệu các bên đã thừa nhận số tiền Công ty B phải thanh toán cho ông VTL là 644.761.308 đồng, chứ không phải số tiền 323.000.000 đồng như Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ số HDDV 200202 ngày 18/02/2020, ông VTL và Công ty B thường xuyên trao đổi bằng nhiều hình thức: văn bản, email, tin nhắn điện thoại... Qua các nội dung trao đổi đều cho thấy tại thời điểm ký biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/6/2021, ông VTL và Công ty B không ghi rõ thời hạn thanh toán nhưng sau đó thời hạn đã được ông VTL gửi yêu cầu xác nhận việc thanh toán nhiều lần bằng nhiều hình thức trao đổi tin nhắn điện thoại, email ngày 22/6/2021, 24/6/2021, 30/6/2021, 02/7/2021, 05/7/2021, 06/7/2021, 07/7/2021 và được Công ty B (do ông PHT là đại diện theo pháp luật của công ty) xác nhận thời hạn thanh toán trễ nhất là đến ngày 31/7/2021.

- Sau khi Công ty B cam kết thanh toán trễ nhất vào ngày 31/7/2021, ông VTL cũng đã nhiều lần yêu cầu công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán bằng hình thức nhắn tin vào ngày 26/7/2021, 02/8/2021, 9/8/2021, 17/8/2021, 26/8/2021 và đến ngày 06/9/2021 ông Thời có phản hồi và hứa hẹn với nội dung: *“Hiện dịch bệnh tràn lan, tp phong tỏa các doanh nghiệp hoạt động cầm chừng vô vàng khó khăn trong giai đoạn này. Để qua khó khăn có nguồn kttt. Trễ nhất đến cuối tháng 12”*. Tuy nhiên sau ngày 31/12/2021, ông Lâm tiếp tục nhắn tin cho ông Thời cụ thể vào các ngày 09/12/2021, 25/12/2021, 31/12/2021, 04/01/2022, 05/01/2022, 07/01/2022, 11/01/2022, 14/01/2022, 20/01/2022, 26/01/2022, 30/01/2022, 31/01/2022, 21/02/2022, 11/3/2022, 14/3/2022, 15/3/2022... để yêu cầu thanh toán nhưng không nhận được phản hồi từ ông Thời.

- Từ những vi phạm trên nên vào ngày 31/3/2022, ông VTL đã thỉnh thức gửi văn bản yêu cầu thanh toán phí dịch vụ đến công ty (qua bưu điện và qua email của ông VTL đến bà NTKP - Phó giám đốc công ty và ông PHT – Giám đốc công ty) với nội dung: Hủy bỏ biên bản thanh lý ngày 18/6/2021 và yêu cầu công ty thanh toán số tiền 644.761.308 đồng cộng với tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 với lãi suất 20%/năm.

Như vậy, biên bản thanh lý hợp đồng đã ký ngày 18/6/2021 đã được ông VTL hủy bỏ là do lỗi của Công ty Bhết lần này đến lần khác cố tình né tránh, đưa ra những lời hứa hẹn, lừa dối, không có thiện chí nhằm trốn tránh việc thanh toán tiền phí dịch vụ cho ông VTL.

Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty B phải thanh toán cho ông VTL toàn bộ khoản nợ phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ số HDDV200202 ngày 18/9/2020 với số tiền 644.761.308 đồng cộng với tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 với lãi suất 20%/năm.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo:

Do ông VTL đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ cụ thể là không hỗ trợ Công ty B trong đàm phán giá trị hợp đồng dẫn đến công ty thua lỗ 1.187.026.102 đồng khi thực hiện hợp đồng với khách hàng mà ông VTL giới thiệu.

Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện A giữ nguyên kháng nghị.

Các đương sự không có phương án hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 02 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tuyên xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, không chấp kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 362/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện A theo hướng tuyên thêm trong phần quyết định của bản án đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, sửa lại phần lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm và sửa án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn phải chịu theo nội dung phát biểu tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] *Đối với kháng cáo của nguyên đơn:*

Ngày 18/02/2020, ông VTL với Công ty TNHH Thương Mại B ký Hợp đồng dịch vụ (Giới thiệu khách hàng) số HDDV 200202. Hai bên thỏa thuận phạm vi dịch vụ: Ông VTL có trách nhiệm giới thiệu khách hàng và hỗ trợ đàm phán về giá cho Công ty TNHH Thương Mại B, khách hàng được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là “*Bên mua: P.E.C, để Công ty TNHH Thương Mại B cung cấp sản phẩm in; Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho ông VTL phí dịch là 18% giá trị trước thuế của tất cả các hóa đơn bán hàng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Công ty B xuất hóa đơn cho P.E.C.*”

Xét Hợp đồng dịch vụ số HDDV 200202 ngày 18/02/2020 giữa Công ty TNHH Thương Mại B với ông VTL, tại thời điểm giao kết các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 117 và Điều 401 Bộ luật Dân sự 2015 thì Hợp đồng số HDDV 200202 có hiệu lực kể từ ngày 18/02/2020, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giới thiệu khách hàng P.E.C cho bị đơn, giữa P.E.C và bị đơn đã ký hợp đồng sản xuất. Như vậy kể từ thời điểm bị đơn xác lập hợp đồng sản xuất với P.E.C thì nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ

của Hợp đồng dịch vụ ngày 18/02/2020. Quá trình hợp tác với P.E.C, bị đơn đã xuất 04 hóa đơn bán hàng vào các ngày 17/8/2020, ngày 17/9/2020, ngày 27/10/2020 và hóa đơn ngày 14/11/2020. Do đó, theo thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ thì sau 05 ngày làm việc kể từ ngày 14/11/2020 bị đơn có trách nhiệm thanh toán 18% phí dịch vụ cho nguyên đơn số tiền 644.761.308đồng.

Tuy nhiên đến ngày 18/6/2021, nguyên đơn và bị đơn đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng với nội dung: Nguyên đơn đồng ý giảm giá trị hợp đồng dịch vụ cho bị đơn số tiền 321.761.308đồng, số tiền bị đơn còn phải chi trả cho nguyên đơn là 323.000.000đồng. Như vậy, kể từ ngày ký biên bản thanh lý này thì hai bên đã thống nhất số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 323.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 323.000.000đồng theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/6/2021 là có cơ sở.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn xuất trình chứng cứ mới là các tin nhắn, email trao đổi giữa nguyên đơn với đại diện bị đơn và qua nội dung trao đổi, nguyên đơn cho rằng bị đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu hủy bỏ Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/6/2021. Xét, trong nội dung Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/6/2021, các bên không thỏa thuận thời gian thanh toán và cũng không quy định nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn có quyền hủy bỏ biên bản thanh lý hợp đồng.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ cụ thể là không hỗ trợ Công ty B trong đàm phán giá trị hợp đồng dẫn đến công ty thua lỗ 1.187.026.102đồng khi thực hiện hợp đồng với khách hàng mà nguyên đơn giới thiệu. Xét, theo nội dung Hợp đồng dịch vụ HDDV 200202 ngày 18/02/2020 thì nguyên đơn chỉ có trách nhiệm hỗ trợ đàm phán về giá cho bị đơn, còn việc bị đơn thống nhất giá và giao kết hợp đồng sản xuất với khách hàng P.E.C thì không liên quan đến trách nhiệm của nguyên đơn; giữa nguyên đơn và bị đơn cũng không có thỏa thuận nào ràng buộc trách nhiệm của nguyên đơn nếu hợp đồng giữa bị đơn và P.E.C bị thua lỗ. Do đó, kháng cáo của bị đơn cho rằng nguyên đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ cụ thể là không hỗ trợ Công ty B trong đàm phán giá trị hợp đồng dẫn đến công ty thua lỗ 1.187.026.102đồng là không có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán:

Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trên số tiền 644.761.308đồng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm, thời gian tính lãi là từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/9/2022, cụ thể là $644.761.308 \text{đồng} \times (20\% : 12) \times 20 \text{ tháng} = 214.920.436 \text{đồng}$. Như đã nhận định mục [2.1], số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 323.000.000đồng và tại Biên bản thanh lý hợp đồng, hai bên không thỏa thuận

thời hạn trả nợ và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên ngày 31/3/2022, Công ty Luật TS đại diện cho ông VTL gửi yêu cầu thanh toán tiền phí của hợp đồng dịch vụ đến Công ty TNHH Thương Mại B, bị đơn thừa nhận đã nhận được công văn này vào ngày 31/3/2022. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 31/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở nhưng lại áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ là chưa đúng, do các bên không thỏa thuận lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì mức lãi suất trong trường hợp này là không quá 10%/năm. Như vậy, số tiền lãi trên số 323.000.000đồng mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 31/3/2022 đến ngày 30/9/2022 là: $323.000.000\text{đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 06 \text{ tháng} = 16.150.000\text{đồng}$. Do đó, cần phải sửa lại phần tính lãi này của Tòa án cấp sơ thẩm, tổng số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $323.000.000\text{đồng} + 16.150.000\text{đồng} = 339.150.000\text{đồng}$.

[2.4] Về kháng nghị của Viện kiểm sát:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì trong phần quyết định của bản án sơ thẩm phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề giải quyết trong vụ án. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A không tuyên đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là có thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo nhận định tại mục [11] của bản án sơ thẩm thì số tiền mà nguyên đơn yêu cầu không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là 504.681.872đồng. Do đó, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, quy định đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch từ 400.000.000đồng đến 800.000.000đồng thì án phí được tính là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm xác định án phí nguyên đơn phải chịu được tính là 5% của giá trị tài sản tranh chấp là không đúng quy định pháp luật.

Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A là có cơ sở.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A và sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền chi phí dịch vụ là 323.000.000đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 16.150.000đồng, tổng cộng 339.150.000đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 520.531.872đồng (859.681.872đồng – 339.150.000đồng).

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông VTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận (520.531.872đồng), là: $20.000.000đ + (120.531.872đ \times 4\%) = 24.821.274đ$ đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.089.274đồng mà ông VTL đã nộp theo biên lai số 0037642 ngày 18/4/2022. Ông VTL phải nộp thêm 6.732.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (339.150.000đồng), là $339.150.000đ \times 5\% = 16.957.500đ$ đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 468, 513 và Điều 515 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông VTL.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH Thương Mại B.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 362/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Thương Mại B phải thanh toán cho ông VTL tiền chi phí dịch vụ của Hợp đồng số HDDV 200202 ngày 18/02/2020 là 323.000.000đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 16.150.000đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH Thương Mại B phải thanh toán cho ông VTL là 339.150.000 (ba trăm ba mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông VTL yêu cầu Công ty TNHH Thương Mại B phải thanh toán số tiền 520.531.872đồng.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông VTL chịu 24.821.274 (hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn hai trăm bảy mươi bốn) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.089.274đồng mà ông VTL đã nộp theo biên lai số AA/2021/0037642 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông VTL phải nộp thêm 6.732.000 (sáu triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Công ty TNHH Thương Mại B chịu 16.957.500 (Mười sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông VTL, Công ty TNHH Thương Mại B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông VTL số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2022/0014314 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho TNHH Thương mại Nhất Thống số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2022/0014313 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện A;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Huỳnh Tú